

**TÁCH BIỆT ĐỊA DANH SINH THÁI VỚI ĐỊA DANH HÀNH CHÍNH:
GIẢI PHÁP CHỦ ĐẠO ĐỂ PHI HÀNH CHÍNH HÓA QUẢN LÝ
CHỈ DẪN ĐỊA LÝ VÀ NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN**

TRẦN VĂN HẢI*

Ngày nhận bài: 02/5/2026

Ngày phản biện: 23/5/2026

Ngày đăng bài: 25/6/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích các khái niệm cốt lõi bao gồm địa danh sinh thái, địa danh hành chính và phi hành chính hóa. Thông qua khảo sát thực tế quản lý Chỉ dẫn địa lý “Cam Lục Ngạn”, Nhãn hiệu chứng nhận “Lúa gạo hữu cơ Trà Vinh” và “Chè Ba Vì” sau sáp nhập các đơn vị hành chính, nghiên cứu làm rõ những bất cập khi quản trị tài sản trí tuệ bị ràng buộc vào bộ máy hành chính nhà nước. Trên cơ sở bộ tiêu chí xác định “địa danh sinh thái”, bài viết đề xuất Mô hình đồng quản lý hướng tâm sinh thái nhằm giải quyết triệt để các xung đột này. Mô hình vận hành dựa trên sự dịch chuyển trọng tâm: lấy không gian địa sinh thái làm hạt nhân quy chiếu vật lý bất biến; trao quyền cho Tổ chức đại diện làm chủ thể vận hành trực tiếp và định vị cơ quan nhà nước vào vai trò giám sát thể chế.

Abstract:

This article focuses on analyzing core concepts including eco-geographical name, administrative geographical name, and de-administration. Through empirical case studies on the management of the Geographical Indication “Lục Ngạn Orange”, alongside the Certification Marks “Trà Vinh Organic Rice” and “Ba Vì Tea” following the mergers of administrative units, the research clarifies systemic shortcomings when intellectual property governance is bound to the state administrative apparatus. Based on a set of criteria for identifying “Eco-geographical Name” to resolve these administrative entanglements, the article proposes an Eco-centric Co-governance Model to thoroughly settle these conflicts. This model operates on a paradigm shift: adopting the eco-geographical space as an invariant physical nucleus of reference; empowering Representative Organizations as the direct operating entities; and repositioning state authorities into the role of institutional oversight.

* PGS.TS., Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Email: tranvanhai@ussh.edu.vn

Từ khóa:

Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, địa danh sinh thái, địa danh hành chính, phi hành chính hóa.

Keywords:

Geographical Indication, certification mark, eco-geographical name, administrative geographical name, de-administration.

1. Đặt vấn đề

Chỉ dẫn địa lý (CDĐL) và nhãn hiệu chứng nhận (NHCN) là hai trong các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), chúng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp và lao động nông thôn. Tính đến ngày 12/5/2026, Cục SHTT đã cấp 154 Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL và nhiều NHCN. Chủ sở hữu CDĐL và NHCN phần lớn là các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương như Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN), Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, hiện nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT), Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện cũ.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương, theo đó không còn tồn tại cấp huyện, nhiều xã cũ sáp nhập thành một xã. Trong khi CDĐL và NHCN gắn với địa danh không thay đổi về bản đồ địa lý, nhưng các đơn vị hành chính lại thay đổi, từ đó dẫn đến khó khăn trong quản lý.

Như vậy, việc tìm ra cơ chế quản lý CDĐL và NHCN phù hợp với mô hình hành chính địa phương hai cấp là cần thiết. Bài viết này đề xuất tách biệt địa danh sinh thái với địa danh hành chính như giải pháp chủ đạo để phi hành chính hóa quản lý CDĐL và NHCN.

Để hoàn thiện bài viết này, tác giả sử dụng các phương pháp sau đây:

- Nghiên cứu tài liệu thứ cấp: Công văn số 2400/TB-SHTT, ngày 30/6/2025 của Cục SHTT; Công văn số 3288/SHTT-PCCS, ngày 14/8/2025 của Cục SHTT hướng dẫn chung về người nộp đơn và 4 công văn liên quan đến các trường hợp cụ thể do thay đổi địa giới hành chính sau sáp nhập.

- Nghiên cứu tài liệu sơ cấp: Tác giả bài viết thu thập được trong quá trình tham gia hội đồng nghiệm thu diễn ra trong khoảng từ tháng 3/2026 đến tháng 5/2026, với tư cách ủy viên phản biện các nhiệm vụ KH&CN về quản lý CDĐL và NHCN tại tỉnh Bắc Ninh, Hà Nội, Ninh Bình, Long An.

- Phương pháp trưng cầu ý kiến chuyên gia: Tác giả xin ý kiến, trao đổi với các chuyên gia quản lý nhà nước, nhà khoa học, nhà quản lý doanh nghiệp... về chủ đề liên quan đến bài viết.

- Tuyên bố về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI): Trong quá trình hoàn thiện bài viết, tác giả đã sử dụng mô hình ngôn ngữ lớn Gemini 3.1 do Google phát triển (truy cập tháng 5/2026), với các câu lệnh (prompts) thể hiện ý tưởng/hình thức thể hiện của tác giả, sau khi nhận được sự hỗ trợ của AI, tác giả đã trực tiếp rà soát, kiểm chứng độc lập các thông tin từ đầu ra của AI, tự biên tập và viết nội dung bài viết.

Tác giả xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, tính nguyên gốc và toàn bộ nội dung của bài viết này.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Sự bất cập trong quản lý CDĐL và NHCN đã được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, có thể dẫn chứng:

- Theo Đào Đức Huân (2017)¹, CDĐL được quy định là sở hữu nhà nước, chính sách tiếp cận theo hướng quản lý nhà nước, nhà nước là chủ thể quản lý, dẫn đến vai trò của các tổ chức tập thể là mờ nhạt, đồng thời trách nhiệm quản lý CDĐL đè nặng lên các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương. Vì vậy, cần thay đổi về tiếp cận, chuyển CDĐL thuộc sở hữu nhà nước sang sở hữu chung của cộng đồng, xây dựng chính sách theo hướng quản lý tài sản cộng đồng, có sự điều tiết của Nhà nước.

- Nguyễn Thị Minh Hạnh, Trịnh Thị Ngọc Anh, Lê Thị Yên (2020)², cho rằng khung pháp lý về CDĐL tại Việt Nam được đặc trưng bởi vai trò chủ đạo của Nhà nước trong tất cả các thủ tục, quá trình liên quan tới CDĐL, từ khâu đăng ký đến quản lý CDĐL. Trong khi đó, vai trò của người sản xuất, kinh doanh và các tổ chức đại diện của họ được quy định rất mờ nhạt, chỉ mang tư cách là chủ thể được “trao quyền sử dụng” hoặc thực hiện các hoạt động đăng ký, quản lý thông qua “ủy quyền”.

- Nguyễn Thị Nguyệt (2024)³, đề xuất Nhà nước cần đầu tư và định hướng khuyến khích tổ chức, cá nhân có năng lực đầu tư hệ thống phòng thử nghiệm đáp ứng nhu cầu thử nghiệm, đánh giá chất lượng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

¹ Đào Đức Huân (2017), *Quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

² Nguyễn Thị Minh Hạnh, Trịnh Thị Ngọc Anh, Lê Thị Yên (2020), *Nâng cao vai trò của chủ thể sản xuất kinh doanh trong quản lý chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số 11/2020.

³ Nguyễn Thị Nguyệt (2024), *Một số quy định pháp luật sở hữu trí tuệ về hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 5/2024.

- Delphine Marie-Vivien, Estelle Biénabe (2017)⁴ đã khảo sát quy định của nhiều quốc gia trên thế giới, phân tích vai trò của Nhà nước trong quản lý CDĐL, các tác giả không cho rằng Nhà nước là chủ thể quản lý duy nhất, mà đề xuất mô hình đa tầng (multi-level governance) và đồng quản trị (co-governance) giữa Nhà nước với các tổ chức sản xuất địa phương. Như vậy, phi hành chính hóa không đồng nghĩa với việc loại bỏ Nhà nước khỏi hệ thống quản lý CDĐL, mà là tái định vị Nhà nước từ vai trò “quản lý trực tiếp” sang “thiết lập thể chế và giám sát” các hoạt động quản lý này.

- Jeanne C. Fromer (2017)⁵, đã chỉ ra trong quản lý NHCN cơ quan nhà nước chỉ kiểm soát rất hạn chế quá trình này, do đó cần thiết phải chuyển quyền quản lý từ cơ quan nhà nước sang các tổ chức chứng nhận độc lập hoặc tổ chức tư nhân, với lưu ý cần cơ chế minh bạch trong quản lý, nhà nước phải giám sát thủ tục chứng nhận, trách nhiệm giải trình của tổ chức chứng nhận, phi hành chính hóa quản lý NHCN là chuyển từ mô hình quản lý hành chính trực tiếp sang mô hình quản trị bởi tổ chức chứng nhận độc lập dưới sự giám sát của Nhà nước.

Như vậy, chủ đề phi hành chính hóa trong quản lý CDĐL và NHCN đã được các nhà khoa học nghiên cứu, có thể nhận thấy:

- Các nghiên cứu đã đề cập đến “xã hội hóa” hoặc “vai trò của hiệp hội”, mà chưa đề cập đến “phi hành chính hóa”.

- Chưa có nghiên cứu đề cập đến bất cập của hệ thống quản lý hành chính do thay đổi địa giới hành chính sau sáp nhập.

- Chưa có nghiên cứu đề cập đến việc tách biệt địa danh sinh thái với địa danh hành chính như giải pháp chủ đạo để phi hành chính hóa quản lý CDĐL và NHCN.

3. Các khái niệm cơ bản

Trong bài viết này, khái niệm CDĐL được hiểu theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật SHTT, khái niệm NHCN được hiểu theo quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật SHTT.

3.1. Địa danh sinh thái

Theo UNGEGN (2002)⁶, địa danh được sử dụng để chỉ một đối tượng địa lý trên bề mặt Trái Đất (*a proper name applied to a geographical feature on Earth*). Khoản 17

⁴ Delphine Marie-Vivien, Estelle Biénabe (2017), *The Multifaceted Role of the State in the Protection of Geographical Indications: A Worldwide Review*, World Development, Volume 98, October 2017, pp.1-11.

⁵ Jeanne C. Fromer (2017), *The Unregulated Certification Mark(et)*, Stanford Law Review, Vol. 69, 2017.

⁶ UNGEGN (2002), *Glossary of Terms for the Standardization of Geographical Names*.

Điều 3 Luật Đo đạc và Bản đồ năm 2018 định nghĩa: *Địa danh là tên của đối tượng địa lý là sự vật trong thế giới thực gắn với vị trí địa lý xác định.*

Có thể nhận thấy định nghĩa địa danh theo quy định của pháp luật Việt Nam là phù hợp với quy định quốc tế, gồm ba yếu tố cấu thành:

1. Là tên gọi, ví dụ Quảng Ninh, vịnh Hạ Long.

2. Gắn với một đối tượng địa lý:

- Đối tượng địa lý tự nhiên, ví dụ sông, núi, hồ, rừng, vườn, đảo... gắn với địa danh như sông Hồng, đỉnh Fansipan, vịnh Hạ Long, hồ Ba Bể, Vườn Quốc gia Ba Vì, đảo Phú Quốc...

- Đối tượng địa lý nhân văn, ví dụ Làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), Làng hương Thủy Xuân (Huế), Làng đúc lư đồng An Hội (Gò Vấp)...

3. Đối tượng đó có vị trí địa lý xác định trong thực tế, nhưng không gắn với địa danh hành chính, ví dụ vịnh Hạ Long (có CDĐL chả mực Hạ Long), cao nguyên Mộc Châu (có NHCN “chè Ôlong Mộc Châu”), hồ sông Đà (có NHCN “cá sông Đà Hòa Bình”)... các địa danh này không phải là một đơn vị hành chính theo hệ thống tỉnh, xã. Ví dụ khác, Champagne có ranh giới sản xuất được xác định trên bản đồ, là nền tảng của CDDL Champagne, nhưng không phải là một đơn vị hành chính trong địa danh hành chính hiện đại của Pháp.

Địa danh sinh thái (*Eco-geographical Name*), theo Orsolya Valkó et al (2023)⁷ địa danh sinh thái được hình thành từ hoặc gắn liền với các đặc tính sinh thái, môi trường tự nhiên, hệ sinh thái hoặc tri thức sinh thái bản địa.

Địa danh sinh thái có đặc điểm:

- Tính bất biến về mặt không gian, vận hành độc lập với sự chia tách, sáp nhập địa danh hành chính.

- Có sự đồng nhất về tri thức truyền thống của cộng đồng, ví dụ tập hợp những người nông dân, nghệ nhân cùng chia sẻ một bí quyết canh tác, quy trình chế biến truyền thống tạo nên danh tiếng của sản phẩm.

- Là tài sản chung của cộng đồng sản xuất.

Hiện tại, pháp luật Việt Nam chưa định nghĩa thuật ngữ địa danh sinh thái, nhưng từ những đặc điểm trên đây, có thể đưa ra định nghĩa: *địa danh sinh thái là thuật ngữ*

⁷ Orsolya Valkó et al (2023), *Sense of place and conservation: Toponym diversity helps to maintain vegetation naturalness, People and Nature (British Ecological Society)*. First published: 12 May 2023 <https://doi.org/10.1002/pan3.10476>.

chỉ một vùng địa lý có thể xác định được trên bản đồ, được hình thành từ các đặc trưng sinh thái, điều kiện tự nhiên hoặc nhân văn đặc thù của một khu vực địa lý nhất định.

3.2. Địa danh hành chính

Hiện tại, UNGEGN chưa định nghĩa “địa danh hành chính” (Administrative Geographical Name), thuật ngữ này xuất hiện trong địa lý nhân văn để chỉ tên gọi nhận diện một đơn vị lãnh thổ được tổ chức và quản lý bởi chính quyền địa phương.

Yingjie Wang et al (2019)⁸ dùng “Administrative Toponym” với nghĩa địa danh hành chính gắn với các đơn vị hành chính và phản ánh quá trình tổ chức, quản lý lãnh thổ của Nhà nước.

Francisco Javier Escobar Martínez et al (2001)⁹, cho rằng sự tồn tại của các địa danh hành chính được thiết lập rời rạc bởi nhiều cơ quan khác nhau, thiếu sự phối hợp và thiếu một cơ sở lý luận thống nhất. Điều này dẫn đến tình trạng phân mảnh dữ liệu và làm giảm hiệu quả của các công cụ phân tích không gian, các tác giả cho rằng địa danh hành chính không chỉ là sản phẩm của quyết định hành chính, mà còn phải là một cấu trúc không gian cần được thiết kế trên cơ sở khoa học, phục vụ đồng thời các mục tiêu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

Địa danh hành chính có đặc điểm:

- Có thể tách rời quy luật tự nhiên: Là ranh giới phân chia không gian lãnh thổ do Nhà nước vạch ra một cách chủ quan nhằm mục đích quản lý dân cư, an ninh quốc phòng và thực thi quyền lực công.
- Có thể tách rời với các quy luật sinh thái, vi khí hậu, hệ thủy văn hay thổ nhưỡng (những yếu tố tự nhiên quyết định chất lượng sản phẩm).
- Tính biến động, bất ổn định: Có thể bị thay đổi, xóa bỏ, chia tách hoặc sáp nhập theo các quyết định hành chính.

Hiện tại, pháp luật Việt Nam chưa đưa ra định nghĩa pháp lý chính thức về “địa danh hành chính”, nhưng căn cứ khoản 1 Điều 49 Luật Đất đai năm 2024, thì *địa giới đơn vị hành chính được lập theo đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh. Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính thể hiện thông tin về việc thành lập, nhập, chia, điều chỉnh*

⁸ Yingjie Wang et al (2019), *Spatial-temporal Characteristics and Causes of Changes to the County-level Administrative Toponyms Cultural Landscape in the Eastern Plains of China*, Sustainability, Vol. 11, No. 9, 2019. DOI:10.1371/journal.pone.0217381 Corpus ID: 169036474, ngày truy cập 15/4/2026.

⁹ Francisco Javier Escobar Martínez et al (2001), *Developing a Theoretical Framework for the Delineation of Administrative Boundaries within a Rural Context*, The 29th Annual Conference of AURISA, Melbourne, Australia, 2001.

địa giới đơn vị hành chính và các mốc địa giới, đường địa giới của đơn vị hành chính đó.

Khi can thiệp vào quản lý quyền SHTT, địa danh hành chính bộc lộ xung đột do giới hạn về thẩm quyền lãnh thổ của bộ máy hành chính, tạo ra xu hướng “hành chính hóa” trong quản lý, tác động không thuận lợi cho việc thương mại hóa sản phẩm mang CDĐL và NHCN.

3.3. Phi hành chính hóa

Guy Peters & Jon Pierre (1998)¹⁰ cho rằng quản trị hiện đại đang chuyển từ mô hình Nhà nước trực tiếp điều hành và kiểm soát các hoạt động xã hội sang mạng lưới các chủ thể xã hội, thị trường, hiệp hội và đối tác cùng tham gia quản trị.

Các đặc điểm của phi hành chính hóa:

- Vận hành theo địa danh sinh thái thay vì phụ thuộc vào địa danh hành chính, cơ chế kiểm soát chất lượng, cấp quyền sử dụng CDĐL và NHCN, quy chế quản lý và sử dụng được vận hành dựa trên phạm vi địa danh sinh thái, được định vị bằng tọa độ địa lý/GPS, mà không bị giới hạn bởi sự phân định địa danh hành chính;

- Định hình lại vai trò của Nhà nước từ quản lý trực tiếp sang kiến tạo và giám sát, Nhà nước thực hiện chức năng thẩm định đăng ký và công nhận ranh giới vùng sinh thái.

Từ đó, có thể định nghĩa *phi hành chính hóa trong quản lý CDĐL và NHCN là quá trình giảm bớt sự can thiệp trực tiếp của bộ máy hành chính nhà nước trong hoạt động quản lý, đồng thời chuyển giao quyền quản lý cho các tổ chức tập thể, hoặc tự quản dưới sự giám sát của Nhà nước.*

4. Thực trạng quản lý chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu chứng nhận sau sáp nhập

Trong mục này, bài viết nghiên cứu trường hợp quản lý CDĐL “Cam Lục Ngạn” và NHCN “Lúa gạo hữu cơ Trà Vinh”, NHCN “Chè Ba Vì” sau sáp nhập để thấy những bất cập trong việc quản lý gắn với địa danh hành chính.

4.1. Trường hợp chỉ dẫn địa lý “Cam Lục Ngạn”

Ngày 02/4/2025, Cục SHTT ban hành Quyết định số 252/QĐ-SHTT về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL số 00144 cho sản phẩm cam “Lục Ngạn”. Khu vực địa lý gồm thị trấn Chũ và các xã: Thanh Hải, Kiên Lao, Biên Sơn, Kiên Thành, Tân

¹⁰ Guy Peters & Jon Pierre (1998), *Governance Without Government? Rethinking Public Administration*, Journal of Public Administration Research and Theory, Vol. 8, No. 2, 1998.

Hoa, Giáp Sơn, Biền Động, Quý Sơn, Trù Hựu, Phượng Sơn, Phì Điền, Tân Quang, Đồng Cốc, Mỹ An, Nam Dương, Tân Sơn, Hộ Đáp, Kim Sơn, Phú Nhuận, Đèo Gia, Tân Mộc, Tân Lập, Hồng Giang, Sơn Hải, Phong Vân, Phong Minh, Sa Lý và Cẩm Sơn thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- UBND huyện Lục Ngạn (cũ) là tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý này.

- Xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh (sau sáp nhập), bao gồm: Phì Điền, Giáp Sơn, Đồng Cốc, Tân Hoa, Tân Quang.

- Hệ quả: 23 xã trồng cam Lục Ngạn thuộc khu vực mang chỉ dẫn địa lý số 00144 không còn nằm trong xã Lục Ngạn mới.

4.2. Trường hợp nhãn hiệu chứng nhận “Lúa gạo hữu cơ Trà Vinh”

Ngày 23/12/2024, Cục SHTT đã ban hành Quyết định số 152136/QĐ-SHTT về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 520030 cho NHCN “Lúa gạo hữu cơ Trà Vinh”, khu vực địa lý bao gồm xã Long Hòa, Hòa Minh và một phần xã Hưng Mỹ thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng, huyện Châu Thành là chủ sở hữu NHCN.

- Xã Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long (sau sáp nhập), bao gồm thị trấn Châu Thành, xã Mỹ Chánh, Thanh Mỹ, Đa Lộc.

- Hệ quả: các xã Long Hòa, Hòa Minh, Hưng Mỹ thuộc khu vực địa lý mang nhãn hiệu chứng nhận “Lúa gạo hữu cơ Trà Vinh” không thuộc xã Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long (sau sáp nhập).

Từ thực tiễn sáp nhập các đơn vị hành chính, có hai khả năng quản lý:

- *Khả năng 1:* Giao quyền quản lý theo địa danh hành chính (cũ): vùng lúa gạo hữu cơ (xã Long Hòa, Hòa Minh, Hưng Mỹ) không còn thuộc xã Châu Thành mới. Theo bản đồ CDĐL cam Lục Ngạn: 23 xã trồng cam Lục Ngạn không còn nằm trong xã Lục Ngạn mới, những vùng canh tác nằm ngoài ranh giới hành chính mới sẽ không có cơ quan kiểm soát chất lượng, dẫn đến tình trạng vi phạm quy chế sử dụng NHCN/CDĐL, tác động xấu đến danh tiếng, chất lượng sản phẩm.

- *Khả năng 2:* Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (điểm g khoản 2 Điều 11) quy định: *Những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương cấp tỉnh*, theo hướng dẫn tại Công văn số 2400/TB-SHTT, ngày 30/6/2025 của Cục SHTT, Công văn số 3288/SHTT-PCCS, ngày 14/8/2025 của Cục SHTT thì Sở KH&CN Bắc Ninh, hoặc Sở NN&MT Bắc Ninh quản lý chỉ dẫn địa lý số 00144, Sở KH&CN Vĩnh Long, hoặc Sở NN&MT Vĩnh Long quản lý NHCN số 520030.

- Nhận định:

+ Các văn bản hướng dẫn hiện tại như Công văn số 2400/TB-SHTT và Công văn số 3288/SHTT-PCCS chưa thể giải quyết xung đột giữa “tính bất biến của địa danh sinh thái” và “tính biến động của địa danh hành chính” thể hiện giữa khu vực bản đồ địa lý nơi tạo nên danh tiếng, chất lượng của sản phẩm, có thể phù hợp với bản đồ hành chính trước sáp nhập nhưng lại không phù hợp với bản đồ hành chính sau sáp nhập.

+ Sở KH&CN và Sở NN&MT là các cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền chuyên môn, không đủ nhân lực để quản lý CDĐL, NHCN như kiểm tra quy trình canh tác hữu cơ hay chất lượng cam của từng thành viên được cấp quyền sử dụng CDĐL, NHCN, mặt khác khi một tỉnh mới sáp nhập có quá nhiều CDĐL, NHCN, việc tập trung quyền quản lý về một sở sẽ dẫn đến quá tải thủ tục hành chính.

4.3. Trường hợp nhãn hiệu chứng nhận “Chè Ba Vì”

Sau sáp nhập các đơn vị hành chính địa phương, UBND xã Suối Hai, Hà Nội đã gửi công văn số 128/UBND ngày 06/8/2025 về việc chuyển giao quyền sở hữu, quản lý NHCN “Chè Ba Vì”.

Về đề nghị sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký NHCN “Chè Ba Vì”, Cục SHTT căn cứ khoản 5 Điều 24 Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023, cho rằng chức năng chứng nhận của tổ chức đăng ký NHCN phải được quy định trong văn bản pháp luật, quyết định của cơ quan có thẩm quyền, điều lệ hoạt động của tổ chức...

Căn cứ các quy định trên, Cục SHTT cho rằng Văn bản số 3689/UBND-ĐMPT ngày 24/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội giao cho UBND xã Suối Hai là chủ sở hữu NHCN “Chè Ba Vì” trong khi phạm vi sử dụng NHCN liên quan đến nhiều xã (xã Suối Hai, xã Yên Bài, xã Quảng Oai, xã Vật Lại, xã Cổ Đô, xã Cẩm Đà, xã Ba Vì và xã Minh Châu) chỉ có thể thực hiện với một số điều kiện sau đây:

- Điều kiện về chức năng chứng nhận của UBND xã Suối Hai theo quy định pháp luật phải được bảo đảm (chức năng chứng nhận phải được quy định trong văn bản pháp luật, quyết định của cơ quan có thẩm quyền, điều lệ hoạt động của tổ chức...).

- UBND xã Suối Hai cần có những biện pháp phù hợp trong quá trình triển khai, bảo đảm sự thống nhất, hiệu quả và khả thi trong quản lý NHCN, trong đó đặc biệt lưu ý cơ chế phối hợp giữa UBND các xã trong việc quản lý NHCN (việc phối hợp cũng cần được đưa vào Quy chế sử dụng NHCN). Ngoài ra, cần lấy ý kiến của UBND các xã liên quan trước khi ban hành tài liệu liên quan.

Nhận định:

- Có sự bất cập về thẩm quyền: giao cho UBND xã Suối Hai làm chủ sở hữu NHCN “Chè Ba Vì” là chưa đúng với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương “*những vấn đề liên quan từ hai xã trở lên phải thuộc thẩm quyền của tỉnh*”.

- UBND xã Suối Hai “cần lấy ý kiến của UBND các xã liên quan trước ban hành tài liệu liên quan”, đây có thể coi là cơ chế phối hợp liên xã, khó khả thi trong thực tế vận hành nền kinh tế thị trường.

Như vậy, việc quản lý CDĐL và NHCN dựa trên “địa danh hành chính” đã bộc lộ những bất cập như đã nêu, nguyên nhân chủ yếu đến từ “tính bất biến của địa danh sinh thái” và “tính biến động của địa danh hành chính”.

5. Các tiêu chí xác định “địa danh sinh thái”

5.1. Đồng nhất về điều kiện tự nhiên

Đồng nhất về điều kiện tự nhiên (Homogeneous natural conditions) là tiêu chí quan trọng nhất để xác định địa danh sinh thái.

Sam Cogginsa et al (2019)¹¹ đã lập bản đồ các biến số tự nhiên như thổ nhưỡng, địa hình, khí hậu, thủy văn..., sau đó phân cụm không gian để xác định các vùng có đặc điểm tự nhiên tương đồng, từ đó nhận định vùng CDĐL “Hunter Valley” gồm nhiều khu vực có điều kiện tự nhiên khác nhau, nên không phản ánh chính xác “terroir”¹² của rượu vang. Các tác giả cho rằng một CDĐL thực sự có ý nghĩa khi khu vực được bảo hộ phản ánh một “terroir” đồng nhất về điều kiện tự nhiên.

Sự đồng nhất về điều kiện tự nhiên thể hiện qua các đặc điểm cơ bản:

- Thổ nhưỡng, ví dụ điều kiện thổ nhưỡng làm nên danh tiếng, chất lượng của quả cam Lục Ngạn là đất trồng cam thuộc nhóm đất Feralit có sự hòa trộn giữa tỷ lệ sét, limon và cát, kết cấu này giúp đất giữ được độ ẩm tự nhiên trong mùa khô nhưng không bị nén chặt, nhờ phân bố trên các triền đồi, đất giữ được hàm lượng vi lượng giúp rễ cây hấp thụ tối đa chất dinh dưỡng, tạo nên lớp cùi mỏng, múi cam mọng nước và có mùi thơm đậm đặc trưng.

- Khí hậu, ví dụ điều kiện khí hậu làm nên danh tiếng, chất lượng của “Lúa gạo hữu cơ Trà Vinh”, Trà Vinh có nền nhiệt độ cao, ổn định quanh năm (trung bình 26 - 27°C) cùng ánh sáng bức xạ dồi dào, yếu tố này giúp cây lúa quang hợp tối đa, tích lũy trọn vẹn dưỡng chất trong hạt gạo.

¹¹ Sam Cogginsa et al (2019), *Towards Meaningful Geographical Indications: Validating Terroirs on a 200 km² Scale in Australia's Lower Hunter Valley*, Geoderma Regional, Vol. 16, 2019.

¹² Terroir được hiểu là tập hợp hoặc hệ thống các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến chất lượng của cây trồng. Nó bao gồm các yếu tố như thổ nhưỡng, khí hậu, tập quán canh tác, vị trí địa hình, sự đa dạng của động vật, thực vật xung quanh... những yếu tố này tác động đến cây trồng và cho ra chất lượng đặc trưng tại mỗi vùng terroir riêng biệt. Nguồn: Terroir là gì? Tìm hiểu về Terroir trong rượu vang, <https://winecellar.vn/terroir-la-gi-tim-hieu-ve-terroir-trong-ruou-vang/>, truy cập ngày 31/5/2026.

- Thủy văn: Phù sa từ hạ lưu sông Cửu Long, cuối nguồn sông Cổ Chiên và sông Hậu, các cánh đồng lúa Trà Vinh nhận được lượng phù sa màu mỡ bồi đắp hàng năm, đất giàu dinh dưỡng tự nhiên, không cần sử dụng phân bón hóa học mà lúa vẫn phát triển tốt, mặt khác thủy văn ở đây còn đặc trưng bởi cơ chế nước lợ tuần hoàn, tại các vùng cù lao như xã Long Hòa, Hòa Minh (huyện Châu Thành cũ), hệ thống thủy văn mang tính đặc trưng của vùng cửa sông ven biển.

- Độ cao và địa hình, ví dụ đặc điểm độ cao và địa hình làm nên danh tiếng, chất lượng “chè Ba Vì”, các nương chè Ba Vì nằm chủ yếu ở vùng đồi gò bán sơn địa hạ thấp dần từ chân núi, hơi ẩm từ các dòng sông (sông Đà, sông Hồng) bao bọc quanh núi tạo nên lớp sương mù che phủ, ánh nắng mặt trời khi chiếu qua lớp sương bị tán xạ, giúp búp chè không bị khô rít mà luôn mập mạp, tích tụ được hàm lượng cao các chất dinh dưỡng và vi chất đặc biệt.

5.2. Định danh chất lượng theo lãnh thổ

Định danh chất lượng theo lãnh thổ không phải là một thuật ngữ pháp lý hay một khái niệm đã được chuẩn hóa trong lĩnh vực CDDL, NHCN như “terroir” hoặc “geographical area”, thuật ngữ này được nghiên cứu trong lĩnh vực địa kinh tế, quản trị chuỗi giá trị và các nghiên cứu về lãnh thổ sản xuất.

Trong luận án tiến sĩ kinh tế, Claire Durand (2016)¹³ khi so sánh về CDDL giữa Indonesia và Việt Nam đã dùng định danh chất lượng theo lãnh thổ (qualification territoriale) với nghĩa là quá trình mà một sản phẩm dần được cộng đồng, thị trường và Nhà nước thừa nhận mang những đặc tính, chất lượng hoặc danh tiếng bắt nguồn từ một lãnh thổ xác định. Luận án cho rằng sự hình thành và quản trị CDDL phụ thuộc vào sự tổ chức của các tác nhân địa phương và các cơ chế phối hợp lãnh thổ, qua đó gợi mở cách tiếp cận xác định phạm vi quản lý dựa trên vùng sản xuất thực tế thay vì chỉ dựa trên địa danh hành chính.

Lãnh thổ định danh chất lượng của sản phẩm:

- Được thể hiện bằng hệ tọa độ cố định GPS trên bản đồ số.
- Sử dụng các cột mốc tự nhiên bất biến để phân định như dòng chảy của con sông, lưu vực lòng hồ, đường sườn núi, hoặc ranh giới của các thửa đất nông nghiệp (bản đồ giải thửa) thay vì đường địa danh hành chính nhân tạo.

¹³ Claire Durand (2016), *L'émergence des indications géographiques dans les processus de qualification territoriale des produits agroalimentaires. Une analyse comparée entre l'Indonésie et le Vietnam*, Thesis for: PhD, January 2016, l'École doctorale d'économie et de gestion ED 231. DOI:10.13140/RG.2.2.32048.76808

5.3. Bản sắc sinh thái - lãnh thổ

Sarah Bowen and Ana Guadalupe Valenzuela-Zapata (2009)¹⁴ đã nghiên cứu bản sắc sinh thái - lãnh thổ (Ecological-Territorial Identity) qua trường hợp Tequila, các tác giả phân tích mối liên hệ giữa: vùng sinh thái trồng cây agave, điều kiện tự nhiên đặc thù, lịch sử và văn hóa sản xuất, danh tiếng lãnh thổ Tequila để lý giải bản sắc của sản phẩm mang CDĐL, các tác giả cho rằng danh tiếng, chất lượng của sản phẩm mang CDĐL được hình thành từ sự tương tác giữa điều kiện sinh thái, lãnh thổ sản xuất và các yếu tố văn hóa - xã hội địa phương.

Như vậy, địa danh sinh thái không thể được đặt ngẫu nhiên, nó phải mang tính kế thừa lịch sử - văn hóa tạo nên bản sắc riêng:

- Tính bất biến của lịch sử: Tên gọi được lựa chọn phải là địa danh có danh tiếng gắn liền với sản phẩm trong lịch sử, ca dao, văn hóa dân gian hoặc biên niên sử địa phương, ví dụ ca dao miêu tả cuộc sống lao động gắn liền giữa rừng núi và cây chè: “Rủ nhau đi hái chè rừng, Ba Vì sương lấp, xin đừng quên nhau”.

- Chấp nhận tính “vô định hình” về hành chính: Khi cấp huyện Ba Vì không còn tồn tại, nhưng Ba Vì trên Giấy chứng nhận đăng ký NHCN vẫn được hiểu là địa danh lịch sử - sinh thái chỉ vùng trồng chè đó, hoàn toàn độc lập với bản đồ hành chính.

5.4. Thống nhất về phương thức sản xuất và tri thức bản địa

Thống nhất về phương thức sản xuất và tri thức bản địa là thuật ngữ chỉ sự tương đồng giữa các chủ thể sản xuất trong một khu vực về quy trình sản xuất, kỹ thuật canh tác hoặc chế biến, cùng với việc chia sẻ và duy trì hệ thống tri thức được hình thành, tích lũy và truyền lại qua nhiều thế hệ trong cộng đồng địa phương.

Tiêu chí này giúp nhận diện các địa danh sinh thái dựa trên sự liên kết thực chất giữa cộng đồng sản xuất và tri thức bản địa với chất lượng, danh tiếng của sản phẩm, thay vì chỉ dựa trên địa danh hành chính do Nhà nước xác lập.

Erica A. Farmer (2014)¹⁵ khi nghiên cứu về vang Bordeaux thông qua sự thống nhất về phương thức sản xuất và tri thức bản địa, không chỉ xem Bordeaux là một vùng địa lý tự nhiên, mà còn được xây dựng dựa trên sự đồng thuận của cộng đồng sản

¹⁴ Sarah Bowen and Ana Guadalupe Valenzuela-Zapata (2009), *Geographical indications, terroir, and socioeconomic and ecological sustainability: The case of tequila*. Journal of Rural Studies 25(1):108-119. DOI:10.1016/j.jrurstud.2008.07.003.

¹⁵ Erica A. Farmer (2014), *Codifying Consensus and Constructing Boundaries: Setting the Limits of Appellation d'Origine Contrôlée Protection in Bordeaux, France*, Political and Legal Anthropology Review, Vol. 37, No. 1 (May 2014), pp.126-144.

xuất, các quy tắc sản xuất chung, tập quán nghề nghiệp địa phương, các chuẩn mực của tri thức bản địa về canh tác và chế biến được tích lũy qua nhiều thế hệ. Như vậy, giá trị của vang Bordeaux không chỉ đến từ tài nguyên thiên nhiên như thổ nhưỡng, khí hậu, địa hình, thủy văn mà còn đến từ tài nguyên nhân văn như phương thức canh tác nho, cách phối trộn giống nho, kỹ thuật ủ vang nho, tri thức bản địa về lưu giữ vang nho... được truyền qua nhiều thế hệ.

Trong lịch sử, Bordeaux đã trải qua nhiều cuộc thay đổi về địa danh hành chính, gần đây nhất là sự thay đổi cấp Vùng (Région), cấp Đô thị (Métropole), nhưng vùng vang Bordeaux không thay đổi về phương thức sản xuất và tri thức bản địa.

Ví dụ sự thống nhất về phương thức sản xuất và tri thức bản địa đối với CDDL Chả mực Hạ Long thể hiện qua việc sử dụng nguồn mực tươi sống đánh bắt tại vùng biển Quảng Ninh, tri thức bản địa thể hiện cách nhìn sắc da mực để biết độ giòn và ngọt của thịt, kỹ thuật giã cối thủ công bằng cối đá chày gỗ, bí quyết nêm nếm bản địa... Sau sáp nhập địa danh hành chính, hiện tại Hạ Long là một phường thuộc tỉnh Quảng Ninh, nhưng danh tiếng, chất lượng của CDDL Chả mực Hạ Long vẫn là sự thống nhất về phương thức sản xuất và tri thức bản địa.

5.5. Tài nguyên nhân văn

Ở trên đã nêu tài nguyên nhân văn thể hiện qua phương thức sản xuất và tri thức bản địa gắn với danh tiếng, chất lượng của sản phẩm mang CDDL và NHCN, nhưng tài nguyên nhân văn còn được thể hiện qua các tiêu chí sau đây:

Thứ nhất, tiêu chí dòng chảy lịch sử.

Địa danh phải gắn liền với sản phẩm trong một khoảng thời gian đủ dài để hình thành “phản xạ tự nhiên” trong tâm trí người dùng, ví dụ nhắc đến đồng hồ liên tưởng đến Thụy Sĩ, nhắc đến rượu vang liên tưởng đến Bordeaux (Pháp), nhắc đến nước mắm liên tưởng đến Phú Quốc...

Thứ hai, tiêu chí độ phủ truyền thông.

Thống kê tần suất địa danh gắn với sản phẩm xuất hiện trên báo chí, truyền hình, các sách hướng dẫn du lịch hoặc cẩm nang ẩm thực, giải thưởng tại các hội chợ và cuộc thi quốc tế, quảng bá trên các phương tiện thông tin ở trong nước và nước ngoài.

Ví dụ: Vải thiều Lục Ngạn thường xuyên xuất hiện trên báo chí nước ngoài với hình ảnh một loại “trái cây siêu hạng” (premium fruit), Bộ Nông, Lâm và Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF) cấp Văn bằng bảo hộ CDDL cho vải thiều Lục Ngạn, các chuyên trang kinh tế châu Á và báo chí Nhật Bản đưa tin đây là sản phẩm đầu tiên của Việt

Nam đạt được chứng nhận danh giá này tại Nhật, báo chí quốc tế đăng hiện tượng “cháy hàng” và mức giá đắt tại siêu thị, ghi nhận vài thiều Lục Ngạn bán rất chạy tại các hệ thống siêu thị ở Paris và thành phố Toulouse, được đánh giá cao nhờ chất lượng.

Như vậy, mặc dù hiện tại Lục Ngạn chỉ là đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh, nhưng địa danh sinh thái Lục Ngạn trở nên nổi tiếng và bất biến so với sự biến động của địa danh hành chính Lục Ngạn.

Thứ ba, tiêu chí giá trị thương mại vượt trội.

Tiêu chí này minh chứng cho việc dùng *giá trị thương mại vượt trội* để khẳng định vị thế địa danh trong bảo hộ CDDL và NHCN.

Ví dụ Sầu riêng Nonthaburi Thái Lan (Nonthaburi Durian) được canh tác tại Nonthaburi, tại một cuộc bán đấu giá quả sầu riêng Nonthaburi được bán thành công với giá 48.000 USD ở Thái Lan¹⁶, trong khi sầu riêng thông thường tại Thái Lan có giá khoảng vài trăm Baht/kg.

Ví dụ khác: Ngày 17/11/2015 Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ (USPTO) đã cấp văn bằng bảo hộ NHCN cho nước mắm Phan Thiết, số đăng ký (Registration Number): 4853060, giá bán lẻ nước mắm Phan Thiết trên các sàn thương mại điện tử chuyên đồ châu Á dao động từ \$13.00 đến \$16.00/Chai 500ml.

Hiện tại Phan Thiết chỉ là đơn vị hành chính cấp phường thuộc tỉnh Lâm Đồng, nhưng địa danh Phan Thiết gắn với sản phẩm nước mắm mang CDDL (ở Việt Nam, Thái Lan, Campuchia...), mang NHCN (ở Hoa Kỳ) nhờ danh tiếng, chất lượng và giá trị thương mại vượt trội.

6. Kinh nghiệm nước ngoài về mô hình quản lý chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu chứng nhận

Trên thế giới có nhiều mô hình quản lý CDDL và NHCN, bài viết lấy kinh nghiệm của Pháp.

Theo quy định tại Bộ luật Nông nghiệp và Nghề cá biển (Code rural et de la pêche maritime - CRPM) của Cộng hòa Pháp¹⁷ và Điều 32 Quy định (EU)¹⁸ số 2024/1143 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng về Chỉ dẫn địa lý cho rượu vang, đồ uống có cồn và nông sản... Mô hình “đồng quản lý” CDDL của Pháp, bao gồm:

¹⁶ Nguồn: Durian Fruit Sells For \$48,000 in Thailand, truy cập tại <https://m.andnowuknow.com/buyside-news/durian-fruit-sells-48000-thailand/maggie-mead/63750>, truy cập ngày 31/5/2026.

¹⁷ Để viết mục này, tác giả đã sử dụng Code rural et de la pêche maritime - CRPM, Article L642-22. Truy cập tại https://www.legifrance.gouv.fr/codes/section_lc, truy cập ngày 31/5/2026.

¹⁸ Để viết mục này, tác giả đã sử dụng Regulation (EU) 2024/1143 of the European Parliament and of the Council of 11 April 2024 on geographical indications for wine, spirit drinks and agricultural products, as well as traditional specialities guaranteed and optional quality terms for agricultural products. Truy cập tại <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32024R1143>, truy cập ngày 31/5/2026.

6.1. Tổ chức đại diện

Tổ chức đại diện (Organisme de Défense et de Gestion - ODG) là tổ chức phi nhà nước, tổ chức này có quyền:

- Lập, sửa đổi và hoàn thiện “Hồ sơ quy chuẩn sản phẩm” (Cahier des charges), bao gồm tự định hình cấu trúc: Phạm vi tọa độ địa danh sinh thái, các tiêu chí kỹ thuật canh tác, quy trình chế biến bắt buộc và các chỉ số chất lượng đặc thù của sản phẩm mang CDĐL, Viện Quốc gia về Nguồn gốc và Chất lượng chỉ thẩm định tính khoa học chứ không can thiệp, áp đặt hay định hình;

- Quyền quản lý nội bộ: Thiết lập và cập nhật danh sách các nhà vận hành (operators/nông dân/doanh nghiệp) sử dụng CDĐL, xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ để giám sát các thành viên tuân thủ quy chuẩn, quyết định các khoản đóng góp/hội phí bắt buộc đối với tất cả các thành viên khai thác CDĐL để gây quỹ hoạt động, thỏa thuận, điều tiết sản lượng, thực hiện các biện pháp phát triển bền vững với địa danh sinh thái nơi sản phẩm được bảo hộ.

- Quyền bảo vệ và thực thi ban đầu: Tổ chức đại diện có tư cách pháp nhân đầy đủ để khởi kiện ra tòa án hoặc yêu cầu các cơ quan hành chính tịch thu, xử lý các hành vi giả mạo, xâm phạm quyền SHTT, xâm phạm danh tiếng đối với địa danh sinh thái của họ trên thị trường (kể cả thị trường vật lý và không gian mạng/tên miền Internet), có quyền đại diện cho toàn bộ cộng đồng sản xuất để ký kết các thỏa thuận bảo hộ xuyên biên giới.

6.2. Viện Quốc gia về Nguồn gốc và Chất lượng

Viện Quốc gia về Nguồn gốc và Chất lượng (Institut National de l'Origine et de la Qualité - INAO) là cơ quan quản lý nhà nước về CDĐL (gọi tắt là Cơ quan quản lý CDĐL), trực thuộc Bộ Nông nghiệp, Công nghiệp Thực phẩm và Chủ quyền Lương thực (Ministère de l'Agriculture, de l'Agro-alimentaire et de la Souveraineté alimentaire), Cơ quan quản lý CDĐL không đứng tên chủ sở hữu văn bằng, không quản lý hành chính. Cơ quan quản lý CDĐL thực hiện 3 việc:

- Thẩm định và phê duyệt: Khi Tổ chức đại diện nộp Hồ sơ quy chuẩn sản phẩm và bản đồ vùng sinh thái, Cơ quan quản lý CDĐL sẽ cử các hội đồng chuyên gia độc lập (gồm các nhà khoa học, nhà địa lý, thổ nhưỡng) để thẩm định, nếu đúng, Cơ quan quản lý CDĐL ra quyết định công nhận;

- Giám sát hệ thống kiểm soát độc lập: Cơ quan quản lý CDĐL giám sát và cấp phép cho Tổ chức chứng nhận độc lập (Organisme de contrôle - các công ty kiểm

toán/chứng nhận đạt chuẩn ISO), Tổ chức đại diện sẽ ký hợp đồng với Tổ chức chứng nhận độc lập để kiểm tra chất lượng sản phẩm mang CDĐL.

- Thực thi pháp luật cấp quốc gia và quốc tế: Cơ quan quản lý CDĐL sử dụng quản lý thị trường, hải quan và tòa án để bảo vệ các CDĐL của Pháp trên phạm vi toàn cầu.

7. Mô hình đồng quản lý hướng tâm sinh thái

Mô hình đồng quản lý hướng tâm sinh thái (*Eco-centric Co-governance Model*) cho CDĐL và NHCN là thuật ngữ được xây dựng dựa trên ý tưởng cốt lõi của bài viết là địa danh sinh thái và phi hành chính hóa.

7.1. Cơ sở lý luận

- Lý thuyết về Quản trị tài sản chung (Governing the Commons), đã được Elinor Ostrom (1990)¹⁹ chứng minh rằng việc quản lý tài sản cộng đồng, như đặc sản địa phương được bảo hộ dưới dạng CDĐL/NHCN sẽ vận hành hiệu quả nhất khi giao quyền tự quản cho cộng đồng dưới sự bảo trợ thể chế của Nhà nước, thay vì Nhà nước độc quyền quản lý hành chính.

- Lý thuyết về Quản trị sinh thái (Ecological Governance) của Giáo sư luật học Klaus Bosselmann (2008)²⁰ đã phê phán việc phân định các địa danh hành chính nhân tạo làm đứt gãy các hệ sinh thái tự nhiên.

- Trong lĩnh vực CDĐL, NHCN khái niệm “Terroir” (Không gian thổ nhưỡng - sinh thái - nhân văn) đã được bài viết phân tích ở trên khẳng định biên giới của chất lượng sản phẩm là biên giới sinh thái (Eco-border).

7.2. Các thành tố của mô hình

Trên cơ sở hai lý thuyết trên và khái niệm địa danh sinh thái, bài viết này đề xuất Mô hình đồng quản lý hướng tâm sinh thái nhằm giải quyết các xung đột trong quản lý CDĐL và NHCN dựa trên địa danh hành chính, mô hình này lấy địa danh sinh thái làm hạt nhân quy chiếu bất biến, bao gồm ba thành tố:

Thứ nhất, thành tố vận hành.

Tổ chức đại diện (Hiệp hội/Hội nghề nghiệp địa phương): là chủ sở hữu văn bằng bảo hộ CDĐL/NHCN (thay thế hoàn toàn cơ quan quản lý nhà nước các cấp).

¹⁹ Elinor Ostrom (1990), *Governing The Commons: The Evolution of Institutions for Collective Action*, Cambridge University Press, Cambridge & New York.

²⁰ Klaus Bosselmann (2008), *The Principle of Sustainability: Transforming Law and Governance*, Ashgate Publishing, Ltd.

Tổ chức đại diện xây dựng “Hồ sơ quy chuẩn sản phẩm” và quản lý thành viên dựa trên Bản đồ tọa độ địa danh sinh thái (GPS). Vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ chuỗi giá trị và tự chủ tài chính bằng hội phí.

Thứ hai, thành tố kỹ thuật.

Tổ chức chứng nhận độc lập (bên thứ ba):

- Các trung tâm, công ty giám định/kiểm toán chất lượng độc lập (đạt chuẩn ISO).
- Ký hợp đồng thương mại với Tổ chức đại diện để thực hiện hậu kiểm, cấp chứng thư chất lượng cho sản phẩm mang CDĐL/NHCN.
- Thay thế hoàn toàn việc các sở chuyên ngành, UBND cấp xã ký giấy chứng nhận chất lượng hoặc xác nhận nguồn gốc sản phẩm mang CDĐL/NHCN.

Thứ ba, thành tố thể chế.

Cơ quan Nhà nước như Cục SHTT có trách nhiệm thẩm định tính khoa học của vùng địa danh sinh thái khi đăng ký, cấp phép/giám sát hoạt động của các Tổ chức chứng nhận độc lập.

Sử dụng bộ máy công quyền như Quản lý thị trường, Tòa án, Hải quan, Công an... để bảo vệ thực thi quyền SHTT đối với CDĐL/NHCN, chống hàng giả, hàng nhái trên thị trường truyền thống và thị trường trên không gian mạng.

7.3. Khuyến nghị sửa đổi quy phạm pháp luật

Thứ nhất, chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý.

Khoản 4 Điều 121 Luật SHTT quy định chủ sở hữu CDĐL của Việt Nam là Nhà nước (UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan hành chính nhà nước được giao quyền)

Khuyến nghị sửa đổi: trao quyền quản lý/đăng ký CDĐL cho Tổ chức tập thể đại diện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm đó trong vùng địa danh sinh thái. Nhà nước chỉ nắm quyền sở hữu mang tính chủ quyền quốc gia chứ không trực tiếp quản lý vận hành.

Thứ hai, quyền đăng ký nhãn hiệu chứng nhận.

Khoản 4 Điều 87 Luật SHTT cho phép các cơ quan nhà nước đứng tên chủ sở hữu NHCN mang địa danh (dẫn đến xung đột thẩm quyền liên xã khi sáp nhập các đơn vị hành chính như đã phân tích).

Khuyến nghị bổ sung quy định các cơ quan hành chính nhà nước không đứng tên chủ sở hữu NHCN, chủ sở hữu NHCN phải là tổ chức xã hội - nghề nghiệp đại diện cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang NHCN.

Thứ ba, yêu cầu đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý.

Khuyến nghị bổ sung Điều 106 Luật SHTT: quy định “Bản đồ khu vực địa lý” bắt buộc phải được xác lập bằng Bản đồ số tọa độ vệ tinh (GIS/GPS) dựa trên địa danh sinh thái thay vì mô tả bằng tên các đơn vị hành chính cấp xã như hiện nay.

8. Kết luận

Bài viết đã phân tích nghịch lý trong quản lý CDDL và NHCN, thể hiện qua sự xung đột giữa tính biến động của địa danh hành chính và tính bất biến của địa danh sinh thái. Từ phân tích thực tiễn sáp nhập các đơn vị hành chính tại Lục Ngạn, Trà Vinh và Ba Vì, bài viết khẳng định rằng hiệu quả quản lý CDDL và NHCN không thể đạt được nếu vẫn ràng buộc các đối tượng này vào địa danh hành chính.

Bài viết đề xuất giải pháp về lý luận và thực tiễn:

- Xác lập hệ thống tiêu chí “địa danh sinh thái” dựa trên Bản đồ số tọa độ vệ tinh (GIS/GPS) và các chỉ số tự nhiên bất biến, đây là giải pháp kỹ thuật nhằm thay thế địa danh hành chính trên văn bằng bảo hộ, bảo đảm tính ổn định trong quản lý tài sản trí tuệ.

- Xây dựng mô hình đồng quản lý hướng tâm sinh thái với việc phi hành chính hóa thông qua trao quyền sở hữu và quản lý cho các Tổ chức đại diện, sử dụng Tổ chức chứng nhận độc lập để kiểm soát chất lượng sản phẩm và đưa Nhà nước về đúng vị trí kiến tạo, giám sát thể chế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bosselmann, Klaus (2008), *The Principle of Sustainability: Transforming Law and Governance*, Ashgate Publishing, Ltd.

2. Bowen, Sarah & Ana Guadalupe Valenzuela-Zapata (2009), *Geographical indications, terroir, and socioeconomic and ecological sustainability: The case of tequila*, Journal of Rural Studies, Vol. 25, No. 1. DOI:10.1016/j.jrurstud.2008.07.003.

3. Coggins, Sam et al. (2019), *Towards Meaningful Geographical Indications: Validating Terroirs on a 200 km² Scale in Australia's Lower Hunter Valley*, Geoderma Regional, Vol. 16.

4. Durand, Claire (2016), *L'émergence des indications géographiques dans les processus de qualification territoriale des produits agroalimentaires. Une analyse comparée entre l'Indonésie et le Vietnam*, PhD Thesis, École doctorale d'économie et de gestion ED 231. DOI:10.13140/RG.2.2.32048.76808.

5. Đào Đức Huân (2017), *Quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

6. Escobar Martínez, Francisco Javier et al. (2001), *Developing a Theoretical Framework for the Delineation of Administrative Boundaries within a Rural Context*, The 29th Annual Conference of AURISA, Melbourne, Australia.
7. Farmer, Erica A. (2014), *Codifying Consensus and Constructing Boundaries: Setting the Limits of Appellation d'Origine Contrôlée Protection in Bordeaux, France*, *Political and Legal Anthropology Review*, Vol. 37, No. 1.
8. Fromer, Jeanne C. (2017), *The Unregulated Certification Mark(et)*, *Stanford Law Review*, Vol. 69.
9. Marie-Vivien, Delphine & Estelle Biénabe (2017), *The Multifaceted Role of the State in the Protection of Geographical Indications: A Worldwide Review*, *World Development*, Vol. 98.
10. Nguyễn Thị Minh Hạnh, Trịnh Thị Ngọc Anh, Lê Thị Yến (2020), *Nâng cao vai trò của chủ thể sản xuất kinh doanh trong quản lý chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam*, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, Số 11/2020.
11. Nguyễn Thị Nguyệt (2024), *Một số quy định pháp luật sở hữu trí tuệ về hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý*, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, Số 5/2024.
12. Ostrom, Elinor (1990), *Governing the Commons: The Evolution of Institutions for Collective Action*, Cambridge University Press, Cambridge & New York.
13. Peters, Guy & Jon Pierre (1998), *Governance Without Government? Rethinking Public Administration*, *Journal of Public Administration Research and Theory*, Vol. 8, No. 2.
14. UNGEGN (2002), *Glossary of Terms for the Standardization of Geographical Names*.
15. Valkó, Orsolya et al. (2023), *Sense of Place and Conservation: Toponym Diversity Helps to Maintain Vegetation Naturalness*, *People and Nature*. First published: 12 May 2023. DOI:10.1002/pan3.10476.
16. Wang, Yingjie et al. (2019), *Spatial-temporal Characteristics and Causes of Changes to the County-level Administrative Toponyms Cultural Landscape in the Eastern Plains of China*, *Sustainability*, Vol. 11, No. 9.